

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-ST

Ngày: 29-09-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH - TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Đức Nhưong.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Bùi Thế Hanh.

2. ông Lê Văn Đô.

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: ông Vũ Đình Ước - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 07 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-DS ngày 20/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).

Địa chỉ: số 77 phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nay là: số 77 phố Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: bà Ngô Thu H - Tổng Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Xuân Q - Giám đốc S1 (Theo Văn bản ủy quyền số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/07/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S).

Người được ủy quyền lại: ông Lê Đình L - Chuyên viên xử lý nợ cấp 1, Khối xử lý nợ, Ngân hàng TMCP S. Có mặt

Bị đơn: anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1981. Vắng mặt
chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980. Vắng mặt
Đều địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Nay là: thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/06/2025, tại bản tự khai, và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) do người đại diện theo quyền trình bày:

Ngày 29/8/2024, Ngân hàng TMCP S cùng với anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 đã ký Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 với các nội dung cụ thể như sau: giá trị hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn). Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ. Thời hạn duy trì của hạn mức: 12 tháng (từ ngày 29/08/2024 đến ngày 29/08/2025). Thời hạn của mỗi khoản vay được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. Lãi suất chậm trả lãi: trường hợp anh N chị H1 không thanh toán lãi đúng hạn, thì anh N chị H1 phải trả lãi chậm trả cho Ngân hàng theo mức lãi suất chậm trả quy định của Ngân hàng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không vượt quá 50%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi. Lãi suất cho vay quá hạn: trường hợp khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, anh N chị H1 phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh N chị H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 14, diện tích 1369,7m², địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận số DG 776404 do UBND huyện H cấp ngày 17/6/2022 cho ông Dương Văn N1. Ngày 02/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang xác nhận “*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ đăng ký biến động số 6166 ngày 27/7/2022*”; số vào sổ cấp GCN: CH00431/Q12/Tr26. Tài sản thế chấp nêu trên đã được anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 thế chấp cho khoản vay của mình tại Ngân hàng S1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0117/2024/HĐTC-CN/SHB.112100; số Công chứng: 3558; quyền số 04-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/08/2024 tại Văn Phòng C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã được thực hiện Đăng

ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 29/8/2024 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định pháp luật.

Thực hiện đúng Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 đã ký, Ngân hàng S1 đã giải ngân cho anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 số tiền là: 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn) theo Khế ước nhận nợ số: 01-0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ký ngày 29/8/2024 giải ngân số tiền 2.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ đồng chẵn). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng S1 nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 23/01/2025. Tạm tính đến ngày 05/9/2025, anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 còn nợ Ngân hàng S1 tổng số tiền là: 2.144.455.217 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười bảy đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 102.361.550 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 40.890.326 đồng.
- Lãi phạt chậm trả lãi: 1.203.341 đồng.

Sau khi phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng S1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1 nhưng đều không thực hiện, trốn tránh với Ngân hàng S1 đã gây ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng S1. Nay Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung:

1. Buộc anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 phải trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/9/2025 là 2.144.455.217 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười bảy đồng), bao gồm:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 102.361.550 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 40.890.326 đồng.
- Lãi phạt chậm trả lãi: 1.203.341 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật cho đến ngày anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Trường hợp anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S được yêu cầu cơ quan thi hành án có

thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng, cụ thể là:

Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 14, diện tích 1369,7m², địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận số DG 776404 do UBND huyện H cấp ngày 17/6/2022 cho ông Dương Văn N1. Ngày 02/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang xác nhận “*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ đăng ký biến động số 6166 ngày 27/7/2022*”; số vào sổ cấp GCN: CH00431/Q12/Tr26.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn N có nhận được Thông báo về việc Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vợ chồng chị phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng vay vốn số 01-0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ký ngày 29/8/2024. Chị xác định có vay vốn Ngân hàng S1 theo như hợp đồng và thời gian như trên số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), tiền lãi theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Vợ chồng chị có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 04 tại thôn C, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu thì vợ chồng chị có trả lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận và đúng hạn nhưng sau đó do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng chị không thanh toán đúng hạn được. Nay Ngân hàng S1 khởi kiện vợ chồng chị phải thanh toán số nợ gốc và nợ lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng là đúng. Tuy nhiên do khó khăn về kinh tế nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng chị thanh toán dần khoản nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Văn N vắng mặt. Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn N không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh Nguyễn Văn N được.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 26/8/2025 Tòa án đã tiến hành thẩm định tài sản của anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 đã thế chấp tại Ngân hàng là diện tích 1369,7m² tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 14 địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận số DG 776404 do UBND huyện H cấp ngày 17/6/2022 cho ông Dương Văn N1. Ngày 02/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang xác nhận “*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ đăng ký biến động số 6166 ngày 27/7/2022*”; số vào sổ cấp GCN: CH00431/Q12/Tr26. Tài sản thế chấp nêu trên đã được anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 thế chấp cho khoản vay của mình tại Ngân hàng S1 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0117/2024/HĐTC-CN/SHB.112100; số Công chứng: 3558; quyền số 04-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/08/2024 tại Văn Phòng C, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã được thực hiện Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 29/8/2024 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định pháp luật. Kết quả: trên đất là đất trống không có tài sản nào. Phía Bắc thửa đất giáp đất nghĩa địa của thôn C. Phía Nam thửa đất giáp với đất ông T. Phía Đông thửa đất giáp với đất ông H2. Phía Tây thửa đất giáp với đất ông G.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số và tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 29/09/2025 cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H1 phải trả Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 2.159.502.137 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm linh hai nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) (Trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Lãi trong hạn: 102.361.550 đồng (Một trăm linh hai triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm lăm mươi đồng). Nợ lãi quá hạn: 55.684.838 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng). Lãi phạt chậm trả lãi: 1.455.749 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng)). Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi phạt theo Hợp đồng tín dụng và theo quy định của pháp luật cho đến ngày anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 không trả được nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP S được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ các tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ cho ngân hàng. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại các tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị tòa án tuyên anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện

đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 351, Điều 357, Điều 465, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1). Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) theo hợp đồng tín dụng số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 2.159.502.137 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm linh hai nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) (Trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Lãi trong hạn: 102.361.550 đồng (Một trăm linh hai triệu, ba trăm sáu mươi mốt nghìn, năm trăm lăm mươi đồng). Nợ lãi quá hạn: 55.684.838 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng). Lãi phạt chậm trả lãi: 1.455.749 đồng (Một triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trong trường hợp anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S (S1) thì Ngân hàng TMCP S (S1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài của anh N chị H1 đã thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

- Anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

- Về án phí: anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 có địa chỉ tại thôn H, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (S1) yêu cầu giải quyết đối với khoản nợ của anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 vi phạm hợp đồng tín dụng số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân .

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1] Về việc ký kết hợp đồng: các hợp đồng tín dụng số: 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 được lập thành văn bản, ký

kết giữa nguyên đơn bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung đều tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành đối các bên tham gia. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân theo đúng nội dung đã cam kết trong hợp đồng tín dụng nhưng anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 lại không thực hiện theo đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng được anh N chị H1 trực tiếp ký kết và nhận số tiền vay từ Ngân hàng, mục đích vay là để trả mở rộng sản xuất và phục vụ nhu cầu tiêu dùng. Nay Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện và yêu cầu anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy đây là khoản nợ anh N chị H1 cùng ký kết vay và sử dụng vào mục đích chung gia đình. Do vậy, cần buộc anh N chị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền gốc còn nợ và số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với các Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Về yêu cầu lãi suất: theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 thì lãi suất được quy định tại điểm 1.5 Điều 1 của hợp đồng quy định “1.5.1. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ. 1.5.2. Lãi suất chậm trả lãi: Mức lãi suất chậm trả bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi. 1.5.3. Lãi suất cho vay quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc”. Phương thức thức tính lãi được quy định tại điểm 1.6 của Hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất cho vay và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với bị đơn trong hợp đồng tín dụng giữa các bên ký kết là tự nguyện, phù hợp với quy định của Ngân hàng N2 và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017, phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần được chấp nhận. Do bị đơn anh N chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, lỗi vi phạm hợp đồng thuộc về bị đơn kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Anh N chị H1 vay nợ trong thời kỳ hôn nhân và cùng ký hợp đồng vay vốn để sử dụng vào mục đích chung nên căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình cần buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 phải liên đới thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng và tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử 29/9/2025 và tiếp tục phải trả lãi phát sinh theo mức

lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 30/09/2025) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 có bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 0117/2024/HĐTC-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 do anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 ký thế chấp với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp được các bên xác lập tuân thủ đúng quy định về nội dung, hình thức, chủ thể giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự nên Hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 14, diện tích 1369,7m², địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận số DG 776404 do UBND huyện H cấp ngày 17/6/2022 cho ông Dương Văn N1. Ngày 02/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang xác nhận “*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ đăng ký biến động số 6166 ngày 27/7/2022*”; số vào sổ cấp GCN: CH00431/Q12/Tr26. Sau khi ký kết, hợp đồng được công chứng, tài sản thế chấp đã được thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ trên diện tích 1369,7m² không có tài sản nào. Tại Điều 5 về xử lý tài sản thế chấp “5.1. Bên A có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi xảy ra một trong các sự kiện sau: 5.1.1. Đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng...”. Thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp. Trường hợp anh N chị H1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết thì Ngân hàng TMCP S (S1) được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản anh N chị H1 đã ký thế chấp tại Ngân hàng TMCP S (S1)

[3] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) Ngân hàng TMCP S (S1) đã nộp để chi phí thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Nguyễn Văn N chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định tại chỗ, án phí phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 351, Điều 357, Điều 465, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1).

2. Buộc anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 liên đới trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) theo hợp đồng tín dụng số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025 là 2.159.502.137 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm linh hai nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng) (Trong đó, nợ gốc: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); Lãi trong hạn: 102.361.550 đồng (Một trăm linh hai triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm lăm mươi đồng). Nợ lãi quá hạn: 55.684.838 đồng (Năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm ba mươi tám đồng). Lãi phạt chậm trả lãi: 1.455.749 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi chín đồng)).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay

thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP S (S1) theo hợp đồng tín dụng số 0144/2024/HĐHM-CN/SHB.112100 ngày 29/08/2024 thì Ngân hàng TMCP S (S1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 180, tờ bản đồ số 14, diện tích 1369,7m², địa chỉ tại thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận số DG 776404 do UBND huyện H cấp ngày 17/6/2022 cho ông Dương Văn N1. Ngày 02/8/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Bắc Giang xác nhận “*Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn N theo hồ sơ đăng ký biến động số 6166 ngày 27/7/2022*”; số vào sổ cấp GCN: CH00431/Q12/Tr26.

4. Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 liên đới hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí: anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị H1 phải liên đới chịu 75.190.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S (S1) số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0000795 ngày 27/06/2025. (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Nhường